

Số: 53 /2012/ HCTNXPVN

Về việc tổ chức thực hiện Quyết định số
62/2011/QĐ-TTg và Thông tư số
01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC...

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2012

Kính gửi: - Hội Cựu TNXP các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- Ban liên lạc Cựu TNXP các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Trà Vinh.

Ngày 09/11/2011, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg “Về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc”, ngày 05 tháng 01 năm 2012 liên Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính đã có Thông tư số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC hướng dẫn thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Hội Cựu Thanh niên xung phong (TNXP) Việt Nam hướng dẫn tổ chức thực hiện hai văn bản nói trên đối với đối tượng là TNXP như sau:

1. Khi tổ chức thực hiện cần nghiên cứu kỹ, đầy đủ Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC của Bộ Quốc phòng – Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là QĐ số 62/2011/QĐ-TTg và TT số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC).

2. Đối tượng là TNXP được hưởng chế độ, chính sách trong QĐ số 62/2011/QĐ-TTg và TT số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC là TNXP tập trung sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (ở biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc), làm nhiệm vụ quốc tế (ở Campuchia, giúp bạn Lào), tham gia quét Fulrô ở các tỉnh Tây Nguyên đã về gia đình, hiện không thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động hàng tháng.

1.2 Đối tượng được áp dụng cụ thể:

a) Đối với TNXP hiện đang còn sống:

- Là người không thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động hàng tháng;

- Là người đã hưởng chế độ phụ cấp, trợ cấp một lần hoặc phụ cấp, trợ cấp hàng tháng theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (trừ chế độ bệnh binh hàng tháng); thương binh từ 81% trở lên đang điều dưỡng tại các trung tâm điều dưỡng của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hoặc đã về gia đình; người hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng; người đã được hưởng chế độ bệnh binh hàng tháng nhưng đã bị cắt không được hưởng chế độ nữa; người đã hết thời hạn hưởng chế độ trợ cấp mất sức lao động hàng tháng;

- Là người hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, doanh nghiệp nhà nước có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, nhưng khi nghỉ việc không đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí mà Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg còn hiệu lực thi hành;

- Là người bị buộc thôi việc quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg nhưng không phải vì lý do vi phạm pháp luật trong thời gian trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế.

b) Đối với TNXP từ trần trước ngày Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành (ngày 01 tháng 01 năm 2012), bao gồm cả từ trần khi đang tại ngũ hoặc đã về địa phương mà từ trần (chưa được xác định là liệt sĩ).

2.2 Đối tượng không được áp dụng: Thực hiện theo khoản 2 Điều 2 Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3. Địa bàn, thời gian xảy ra chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, đó là:

a) Địa bàn xảy ra chiến sự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là các huyện thuộc thuộc biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc, gồm cả các huyện đảo biên giới và khu vực Hoàng Sa, Trường Sa, DK1; các tỉnh Tây Nguyên và các địa bàn phụ cận có xảy ra chiến sự (xem cụ thể ở Phụ lục gửi kèm công văn này).

b) Thời gian xảy ra chiến sự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế được xác định như sau: Ở biên giới Tây Nam từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 07 tháng 01 năm 1979; biên giới phía Bắc từ tháng 2 năm 1979 đến 31 tháng 12 năm 1988; truy quét Fulrô từ tháng 5 năm 1975 đến tháng 12 năm 1992; làm nhiệm vụ giúp bạn Lào từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988; làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia từ tháng 01 năm 1979 đến ngày 31 tháng 8 năm 1989.

4. Các chế độ, chính sách và thời gian được hưởng.

a) Chế độ trợ cấp một lần, thời gian được hưởng và cách tính:

1a. Đối với TNXP còn sống, được trợ cấp một lần tính theo số năm đã trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế, tham gia truy quét Fulrô ở các tỉnh Tây Nguyên: Từ đủ 2 năm trở xuống, được hưởng mức trợ cấp một lần bằng 2.500.000đồng; trên 2 năm, thì từ năm thứ 3 trở đi cứ mỗi năm được cộng thêm 800.000đồng. Thời gian tính hưởng trợ cấp nếu có tháng lẻ thì từ đủ 6 tháng đến 12 tháng được tính tròn một năm, dưới 6 tháng được tính bằng nửa (1/2) năm. Nếu TNXP có thời gian tham gia ở các nhóm đối tượng khác nhau theo quy định ở khoản 2, Điều 1 Thông tư số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC hoặc có thời gian gián đoạn thì được cộng dồn.

(Cách tính cụ thể để hưởng trợ cấp xem ở tiết b, khoản 2, Điều 3 Thông tư số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC và các ví dụ 5; 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

2a. Đối với TNXP từ trần (từ trần khi đang tại ngũ hoặc về địa phương mà từ trần) trước ngày 01 tháng 01 năm 2012 (Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành) chưa được xác nhận là liệt sĩ và thuộc các đối tượng cụ thể đã nêu ở điểm a mục 2 (trên đây), thì một trong những thân nhân sau đây của người từ trần: Vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi; bố đẻ, mẹ đẻ; hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp được hưởng mức trợ cấp một lần là 3.600.000đồng; nếu từ trần từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 trở về sau thì thân nhân của người từ trần được hưởng chế độ trợ cấp một lần như đối với TNXP còn sống (nêu ở tiết 1a, mục a này).

b) Chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí:

TNXP thuộc đối tượng áp dụng chế độ, chính sách của Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg và Thông tư số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC đã nêu cụ thể ở điểm a, b mục 2 công văn này, nếu chưa được hưởng chế độ bảo hiểm y tế thì được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế, khi từ trần người lo mai táng được hưởng trợ cấp mai táng phí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội hiện hành.

5. Hồ sơ, quy trình và trách nhiệm xét hưởng chế độ.

1.5 Giấy tờ làm căn cứ xét hưởng chế độ

a) Giấy tờ gốc hoặc được coi như giấy tờ gốc, gồm:

- Quyết định xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc hoặc hết nhiệm vụ ở TNXP;
- Giấy xác nhận xuất ngũ, chuyển ngành của đơn vị TNXP;

- Quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp thương tật hoặc bản trích lục hồ sơ thương tật;

- Lý lịch TNXP, lý lịch công nhân viên chức, lý lịch đảng viên có ghi thời kỳ ở TNXP;

Các giấy tờ gốc nêu trên bao gồm bản chính hoặc bản sao của cấp có thẩm quyền (cấp xã trở lên)

b) Giấy tờ liên quan, gồm:

- Quyết định nhập ngũ TNXP; giấy tờ điều động công tác, bổ nhiệm chức vụ, giao nhiệm vụ ở TNXP; ✓

- Giấy chứng nhận tham gia TNXP (hoặc giấy chứng nhận cấp Kỷ niệm chương TNXP hoặc thẻ Hội viên TNXP); giấy khám sức khỏe, chuyển thương, chuyển viện thời kỳ ở TNXP;

- Giấy chứng nhận Huân chương, Huy chương kháng chiến; hoặc các giấy tờ được khen thưởng ở TNXP;

- Hồ sơ chính sách người có công, hưởng bảo hiểm xã hội một lần;

- Giấy chứng tử; giấy báo tử của đơn vị TNXP hoặc của cơ quan quản lý đơn vị TNXP.

- Các giấy tờ liên quan khác chứng minh là TNXP (nếu có).

2.5 Hồ sơ, quy trình và trách nhiệm xét hưởng chế độ trợ cấp một lần (theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC) được lập thành 02 bộ (lưu ở UBND huyện 01 bộ, lưu ở UBND tỉnh 01 bộ), gồm:

- 01 bản khai cá nhân của đối tượng (TNXP) hưởng trợ cấp (mẫu 1B) hoặc 01 bản khai của thân nhân đối tượng (TNXP) từ trần hưởng trợ cấp (mẫu 1C), bản chính.

- Một hoặc một số giấy tờ gốc hoặc được coi như giấy tờ gốc hoặc giấy tờ liên quan (bản chính hoặc bản sao của cấp có thẩm quyền, nếu có).

- 01 giấy chứng tử hoặc giấy báo tử của đơn vị TNXP hoặc của cơ quan quản lý đơn vị TNXP (đối với TNXP từ trần), bản chính hoặc bản sao.

- 01 biên bản xét duyệt của Hội đồng chính sách xã, phường, thị trấn (mẫu 2) bản chính (có thành phần Hội, hoặc chi Hội Cựu TNXP).

6. Trách nhiệm và trình tự thực hiện

- Đối tượng (TNXP) hoặc thân nhân đối tượng (TNXP) từ trần thuộc diện hưởng trợ cấp một lần có trách nhiệm lập hồ sơ theo quy định trên (tiết 2.5 mục 5 công văn này) nộp cho Trưởng thôn (xóm, ấp, tổ dân phố) nơi đăng ký hộ khẩu

thường trú; Trưởng thôn (xóm, ấp, tổ dân phố) có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, tổng hợp báo cáo UBND cấp xã, phường, thị trấn theo quy định của Thông tư.

1.6 Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn (cấp xã)

Thành lập Hội đồng chính sách xã do Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) UBND làm Chủ tịch Hội đồng, xã đội trưởng, cán bộ Lao động – thương binh và Xã hội làm thường trực và các thành viên: Đại diện Đảng ủy (hoặc chi bộ đối với nơi không có đảng bộ) xã; Mặt trận Tổ quốc; đại diện Hội Cựu chiến binh; đại diện Hội (chi Hội) Cựu TNXP.

Hội đồng chính sách xã chịu trách nhiệm tổ chức hội nghị xét duyệt dân chủ, công khai, chặt chẽ, chính xác để đề nghị hưởng chế độ (trợ cấp một lần, bảo hiểm y tế, mai táng phí) đối với từng đối tượng, theo từng đợt để báo cáo cấp trên xét duyệt, quyết định hưởng chế độ.

Khi UBND cấp xã tổ chức xét duyệt theo từng giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Xét duyệt nhóm đối tượng (có TNXP) có giấy tờ gốc hoặc được coi như giấy tờ gốc;

+ Giai đoạn 2: Xét duyệt nhóm đối tượng (có TNXP) có giấy tờ liên quan;

+ Giai đoạn 3: Xét duyệt nhóm đối tượng (có TNXP) không có giấy tờ.

Thì Hội (chi Hội) Cựu TNXP cấp huyện, cấp xã thường xuyên làm việc với Hội đồng chính sách cấp xã để nắm chắc khi xét xong giai đoạn 1, giai đoạn 2 thì kịp thời đề nghị xét ngay sang giai đoạn 3 (không để kéo dài) cho những TNXP không có, không còn giấy tờ gốc, giấy tờ liên quan.

(Trình tự thực hiện của cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh và trách nhiệm của các cơ quan chức năng theo Điều 7 Thông tư số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC).

2.6 Theo quy định tại khoản 5 Điều 8 về Tổ chức thực hiện của Thông tư số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, trong đó đối với Hội Cựu Thanh niên xung phong Việt Nam.

Trung ương Hội Cựu TNXP Việt Nam hướng dẫn các cấp Hội như sau:

a) Đối với Hội (Ban liên lạc) Cựu TNXP cấp tỉnh, thành phố:

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố và các đoàn thể địa phương (cần thiết thì phải báo cáo với UBND cấp tỉnh) để tham gia Ban chỉ đạo ở cấp tỉnh, thành phố (nếu có) và thống nhất triển khai thực hiện các nội dung theo quy định tại Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg và Thông tư số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC; trực tiếp

chỉ đạo, theo dõi Hội, chi Hội, Ban liên lạc Cựu TNXP cấp huyện, quận, xã, phường để thực hiện đúng, kịp thời chế độ trợ cấp một lần, chế độ bảo hiểm y tế và mai táng phí cho đối tượng là TNXP và thân nhân của TNXP từ trần.

- Thống kê, rà soát kỹ đối tượng TNXP thuộc diện được hưởng các chế độ chính sách (trợ cấp một lần, bảo hiểm y tế và mai táng phí) để có ngay số liệu làm việc với các cơ quan ở địa phương và báo cáo về Trung ương Hội (trước ngày 01 tháng 6 năm 2012).

- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền (kể cả các hình thức trên Báo, Đài truyền hình địa phương) để cựu TNXP thuộc đối tượng được hưởng chế độ, chính sách biết, kịp thời lập hồ sơ gửi đến chính quyền địa phương xét hưởng chế độ, chính sách; tránh tình trạng chậm trễ và bỏ sót đối tượng.

b) Hội (chi Hội hoặc Ban liên lạc) cựu TNXP cấp huyện, quận, xã, phường hướng dẫn cựu TNXP và thân nhân của TNXP đã từ trần lập hồ sơ (tờ khai và các giấy tờ) theo quy định, nộp đến chính quyền địa phương để kịp xét duyệt hưởng chế độ, chính sách (trợ cấp một lần, bảo hiểm y tế và mai táng phí); cử đại diện tham gia Ban chỉ đạo và Hội đồng chính sách cấp xã, phường (nếu nơi nào cấp xã, phường chưa có tổ chức Hội, chi Hội thì huyện, quận Hội trao đổi thống nhất với Ban chỉ đạo cấp huyện, quận để cử người tham gia Hội đồng chính sách ở xã, phường để tham gia xét duyệt).

c) Hội (Ban liên lạc) Cựu TNXP các cấp: tỉnh, thành phố, quận, huyện, xã, phường phối hợp với Đoàn Thanh niên cùng cấp giúp đỡ cựu TNXP và thân nhân tìm kiếm, xác minh các giấy tờ gốc hoặc giấy tờ liên quan (mà có thể tìm kiếm được) hoặc bàn với các cơ quan chức năng để xác nhận các giấy tờ cần thiết và giúp đỡ đối tượng (TNXP) và thân nhân TNXP từ trần lập hồ sơ giải quyết chế độ, chính sách.

d) Các cấp Hội, chi Hội (Ban liên lạc) cựu TNXP thực hiện đúng trách nhiệm là nhân chứng lịch sử, tích cực tham gia với các ngành, các cấp chính quyền trong việc giải quyết chế độ, chính sách đối với TNXP (kể cả những người là hội viên và người chưa tham gia Hội); chịu trách nhiệm theo quy định tại Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg và Thông tư số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC đối với công việc của mình.

Trên đây là những nội dung Trung ương Hội Cựu TNXP Việt Nam hướng dẫn thêm, cụ thể và chi tiết đối với đối tượng là TNXP để các cấp Hội và Ban liên

lạc Cựu TNXP thực hiện tốt Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg và Thông tư số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

Hội (Ban liên lạc) Cựu TNXP cấp tỉnh, thành phố sao gửi đầy đủ các tài liệu liên quan này đến các cấp Hội (chi Hội), Ban liên lạc cấp dưới để thực hiện. Nếu có gì vướng mắc phản ánh kịp thời về Trung ương Hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Bí thư TWĐ (Để phối hợp)
- Cục Chính sách - BQP (theo dõi, giúp đỡ)
- Các Ủy viên Đoàn Chủ tịch
- Các Ủy viên BCH (không tham gia
lãnh đạo Hội)
- Lưu BCS, VP Hội.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
HỘI CỰU TNXP VIỆT NAM
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Liên

PHỤ LỤC

Các huyện biên giới trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc

TT	TÊN HUYỆN BIÊN GIỚI	GHI CHÚ
A. BIÊN GIỚI PHÍA BẮC TIẾP GIÁP VỚI TRUNG QUỐC <i>(Thời gian từ tháng 02/1979 đến 31/12/1988)</i>		
I.	TỈNH QUẢNG NINH	
1.	Huyện Bình Liêu	
2.	Huyện Móng Cái (nay là TP. Móng Cái)	
3.	Huyện Quảng Hà (nay là huyện Hải Hà)	
4.	Huyện Tiên Yên	
II.	TỈNH LẠNG SƠN	
1.	Huyện Cao Lộc	
2.	Huyện Lộc Bình	
3.	Huyện Đình Lập	
4.	Huyện Tràng Định	
5.	Huyện Văn Lãng	
III.	TỈNH CAO BẰNG	
1.	Huyện Thông Nông	
2.	Huyện Hà Quảng	
3.	Huyện Trà Lĩnh	
4.	Huyện Quảng Hòa (nay là huyện Phục Hòa và Quảng Uyên)	
5.	Huyện Trùng Khánh	
6.	Huyện Hạ Lang	
7.	Huyện Thạch An	
8.	Huyện Bảo Lạc (nay là huyện Bảo Lạc và huyện Bảo Lâm)	

IV.	TỈNH HÀ GIANG (trong chiến tranh thuộc tỉnh Hà Tuyên)	
1.	Huyện Đông Văn	
2.	Huyện Quán Bạ	
3.	Huyện Hoàng Su Phì	
4.	Huyện Yên Minh	
5.	Huyện Xín Mần	
6.	Huyện Vị Xuyên	
7.	Huyện Mèo Vạc	
V.	TỈNH LÀO CAI (trong chiến tranh thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn)	
1.	Huyện Bát Sắt	
2.	Huyện Bắc Hà (nay là huyện Si Ma Cai)	
3.	Huyện Mường Khương	
4.	Huyện Bảo Thắng	
5.	Thị xã Lào Cai (nay là thành phố Lào Cai)	
6.	Thị xã Cam Đường (nay là thành phố Lào Cai)	
VI.	TỈNH LAI CHÂU	
1.	Huyện Mường Tè	
2.	Huyện Phong Thổ	
3.	Huyện Sin Hồ	
VII.	TỈNH ĐIỆN BIÊN (trong chiến tranh thuộc tỉnh Lai Châu)	
1.	Huyện Mường Nhé	
<p>B. BIÊN GIỚI TÂY NAM TIẾP GIÁP VỚI CAMPUCHIA (Thời gian từ 5/1975 đến 07/01/1979)</p>		
I.	TỈNH KON TUM	
1.	Huyện Đăk Tô tỉnh Gia Lai – Kon Tum (nay là huyện Sa Thầy tỉnh Kon Tum)	

II.	TỈNH GIA LAI	
1.	Huyện Chư Păh (nay là huyện Ia Grai)	
2.	Huyện Chư Prông	
3.	Huyện Đức Cơ	
III.	TỈNH ĐẮK LẮK	
1.	Huyện Ea Súp	
2.	Huyện Buôn Đôn	
IV.	TỈNH ĐẮK NÔNG	
1.	Huyện Đắk Nông (nay là 03 huyện: Đắk GLong, Đắk R'Lấp, Tuy Đức và thị xã Gia Nghĩa)	
2.	Huyện Đắk Mil (nay là 04 huyện: Đắk Mil, Đắk Song, Cư Jút, Krông Nô)	
V.	TỈNH BÌNH PHƯỚC	
1.	Huyện Lộc Ninh (Nay là huyện Lộc Ninh và huyện Bù Đốp)	
2.	Huyện Phước Long (nay là thị xã Phước Long và huyện Bù Gia Mập)	
VI.	TỈNH TÂY NINH	
1.	Huyện Tân Biên (nay là huyện Tân Biên và huyện Tân Châu)	
2.	Huyện Châu Thành	
3.	Huyện Bến Cầu	
4.	Huyện Trảng Bàng	
VII.	TỈNH LONG AN	
1.	Huyện Đức Huệ	
2.	Huyện Mộc Hóa (nay là huyện Mộc Hóa, Tân Hưng, Vĩnh Hưng, Tân Thạnh, Thạnh Hóa)	
VIII.	TỈNH ĐỒNG THÁP	
1.	Huyện Hồng Ngự, nay chia tách thành 03 huyện (thị xã): Huyện Hồng Ngự, Huyện Tân Hồng và thị xã Hồng Ngự	

IX.	TỈNH AN GIANG	
1.	Huyện Tịnh Biên	
2.	Huyện Tri Tôn	
3.	Huyện Phú Châu, nay chia tách thành 02 huyện (thị xã): Huyện An Phú, thị xã Tân Châu	
4.	Thị xã Châu Đốc	
X.	TỈNH KIÊN GIANG	
1.	Huyện Hà Tiên, nay chia tách thành 03 huyện (thị xã): Thị xã Hà Tiên, huyện Kiên Lương, huyện Giang Thành	
2.	Huyện Phú Quốc	

*** Nguồn:**

- Công văn số 943/CS-TC8 ngày 06/12/2001 của Cục Chính sách, Cục Tài chính
- Báo cáo địa bàn trong chiến tranh BVTQ của các Quân khu tháng 10/2011.